DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 3060 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** *16* ***tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Tổ thí nghiệm Hóa – Phân xưởng Hóa**
Laboratory:	***Chemistry Laboratory – Chemistry Workshop***
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	**Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn – Tổng Công ty Phát điện 1**
Organization:	***Nghi Son Thermal Power Company – Power Generation Corporation 1***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 1249**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực	**Hóa**
Field:	***Chemical***
Người quản lý:	**Lê Ngọc Minh**
Laboratory manager:	***Le Ngoc Minh***
Hiệu lực công nhận *Period of Validation:*	**Kể từ ngày** *16* **/10/2026 đến ngày 22/03/2031**
Địa chỉ:	**Km 11, đường 513, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam**
Address:	***Km 11, Road 513, Nghi Son Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam***
Địa điểm:	**Km 11, đường 513, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam**
Location:	***Km 11, Road 513, Nghi Son Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam***
Điện thoại/ *Tel*:	**02373.613.456**
Email:	**phanxuonghoans@gmail.com**
Website:	**https://nghison.evn.vn/**

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa
Field of testing: ***Chemical***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Sản phẩm dầu mỏ dạng lỏng** ***Liquid Petroleum products***	Xác định độ nhớt động học ở 40 ^{0}C đến 100 ^{0}C và tính toán độ nhớt động lực *Determination of kinematic viscosity at 20 oC to 100 oC and Calculation of Dynamic Viscosity*	(0,2 ~ 1200) mm^2 /s	TCVN 3171:2011
2.	**Dầu HFO** ***Heavy fuel oil***	Xác định khối lượng riêng Phương pháp tỷ trọng kế *Determination of density* *Hydrometer method*	(0,6 ~ 1,1) g/cm^3	TCVN 6594:2007
3.		Xác định điểm chớp cháy bằng thiết bị thử cốc kín Pensky - Martens *Determination of flash point by Pensky-Martens closed cup tester*	(40 ~ 360) ^{0}C	TCVN 2693:2007
4.		Xác định hàm lượng nước Phương pháp chưng cất *Determination of water content* *Distillation method*	Đến/*to*: 25 %	TCVN 2692:2007
5.	**Dầu bôi trơn** ***Lubricant oil***	Xác định hàm lượng nước Phương pháp chuẩn độ điện lượng Karl Fischer *Determination of water content* *Coulometric Karl Fischer titration method*	(10 ~10000) ppm	TCVN 3182:2013
6.	**Dầu cách điện** ***Insulating oil***	Thử điện áp đánh thủng *Breakdown voltage test*	Đến/*to*: 60 kV	IEC 60156:2025
7.	**Than** ***Coal***	Phân tích cỡ hạt bằng sàng *Size analysis by sieving*	Đến/*to*: 15 mm	TCVN 251:2018
8.		Xác định giá trị tỏa nhiệt toàn phần Phương pháp bom đo nhiệt lượng *Determination of gross calorific value* *The bomb calormetric method*	(13000 ~ 40000) J	TCVN 200:2011
9.		Xác định hàm lượng tro *Determination of ash content*		TCVN 173:2011

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
10.		Xác định hàm lượng chất bốc *Determination of volatile matter content*		TCVN 174:2011
11.	**Than** ***Coal***	Xác định hàm lượng ẩm toàn phần Phương pháp B2 *Determination of total moisture content* *B2 method*		TCVN 172:2019 (ISO 589:2008)
12.		Xác định hàm lượng lưu huỳnh Phương pháp đo phổ hồng ngoại (IR) *Determination of sulfur content* *IR spectrometry method*	0,0016%	TCVN 8622:2010 (ISO 19579:2006)
13.	**Tro bay** ***Fly ash***	Xác định hàm lượng mất khi nung *Determination of loss on ignition content*		TCVN 8262:2009
14.	**Thạch cao** ***Gypsum***	Xác định độ ẩm *Determination of moisture*		TCVN 9807:2013
15.		Xác định hàm lượng SO_3 *Determination of SO_3 content*		TCVN 8654:2011
16.		Xác định hàm lượng nước liên kết *Determination of combined water content*		TCVN 8654:2011
17.	**Đá vôi** ***Lime stone***	Xác định hàm lượng CaO *Determination of CaO content*		TCVN 9191:2012
18.		Xác định hàm lượng mất khi nung *Determination of loss on ignition content*		TCVN 9191:2012
19.	**Nước cấp lò, nước bao hơi, nước sạch, nước mặt** ***Feed water, boiler water, domestics water, surface water***	Xác định pH *Determination of pH value*	2 ~ 12	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:1994)
20.		Xác định độ dẫn điện *Determination of conductivity*	Đến/*to*: 500 mS/cm	SMEWW 2510-B:2023
21.		Xác định hàm lượng Silica *Determination of Silica content*	(10 ~ 1000) µg/L	HACH Method 8282 (DR 6000)
22.		Xác định độ đục *Determination of turbidity*	(0,4 ~ 600) NTU	HACH Method 10258 (TU5200 EPA)
23.		Xác định tổng số Canxi và Magie Phương pháp chuẩn độ EDTA *Determination of the sum of Calcium and Magnesium* *EDTA titrimetric method*	5 mg/L	TCVN 6224:1996 (ISO 6059 : 1984 (E))

Ghi chú*/Note:*

- TCVN: tiêu chuẩn Việt Nam/*Vietnam Standard*
- IEC: Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế /*International Electrotechnical Commission (Commission électrotechnique internationale)/*
- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế /*the International Organization for Standardization*
- SMEWW: phương pháp chuẩn phân tích nước và nước thải/*Standard Methods for The examination of Water and Wastewater*
- HACH: phương pháp thử của nhà sản xuất thiết bị/*Manufacture's developed methodt*

Trường hợp Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn – Tổng Công ty Phát điện 1 cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn – Tổng Công ty Phát điện 1 phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Nghi Son Thermal Power Company – Power Generation Corporation 1that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*